

- Các khoa, phòng, trung tâm đã tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho giảng viên trong quá trình diễn ra hoạt động kiểm tra, giám sát.

II. Kết quả cụ thể.

1. Về hồ sơ thực hiện chuyên môn, nhiệm vụ của nhà giáo:

*** Kế hoạch cá nhân:**

- Ưu điểm:

+ 100% giảng viên có KHCN theo quy định.

+ Một số KHCN có nội dung cụ thể, rõ ràng, dự kiến kết quả phù hợp như KH cá nhân của GV Trần Thị Bích Hạnh – Khoa Cơ bản.

- Nhược điểm:

+ Một số KHCN, mục Cơ sở lý luận GV chưa cập nhật các quy định, quy chế mới ban hành theo quy định (Quyết định số 248/QĐ-CĐSL đã được thay thế bằng Quyết định số 474/QĐ-CĐSL ngày 28/7/2023 về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La) như KHCN của GV Quách Thị Sơn – Khoa KTCN; GV Đỗ Lan Anh – K.MNPT,...

+ Nội dung kế hoạch: Dự kiến sản phẩm giảng dạy chưa phù hợp, còn thiếu sản phẩm (GV ghi Đề cương bài giảng, bài giảng; đúng phải là giáo án, sổ tay giảng viên hoặc chỉ có Bảng điểm đánh giá kết quả học tập môn học thiếu giáo án, sổ tay giảng viên) như KHCN của GV Vũ Thị Hoa – Khoa Cơ bản,...

+ KHCN của GV Lê Trọng Quý – Phòng CTHSSV, GV Nguyễn Văn Thành – T.TTTV thiếu mô tả nội dung công việc tại phòng và trung tâm.

+ Ngày xây dựng kế hoạch không đúng: Cơ sở lý luận căn cứ vào Quyết định số 474/QĐ-CĐSL ngày 28/7/2023 nhưng ngày xây dựng kế hoạch của GV Bùi Thị Thu Hà – Khoa Luật-Nội vụ là 23/7/2023, GV Nguyễn Thu Trang – Khoa Luật-Nội vụ là 15/7/2023.

+ Chưa đánh giá kết quả thực hiện những hoạt động đã thực hiện xong như KHCN của GV Nguyễn Thị Kim Oanh – Khoa Cơ bản, GV Nguyễn Thị Thuý Hà – K.MNPT; GV Trịnh Thị Phương Thảo – Khoa Luật-Nội vụ (từ tháng 7 -> tháng 10), GV Lê Trọng Quý – Phòng CTHSSV,...

*** Kế hoạch bài học**

- Ưu điểm:

+ Hầu hết các KHBH đã xác định mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ tương đối phù hợp với nội dung bài học.

+ Một số KHBH đảm bảo về hình thức và nội dung theo yêu cầu như KHBH của GV Phùng Thị Thuý – Khoa VHDL.

- Nhược điểm:

+ Một số ít KHBH xác định mục tiêu về kiến thức còn sử dụng từ không định lượng được như nắm, biết như KHBH của GV Nguyễn Thị Kim Oanh – Khoa Cơ bản, GV Bùi Thị Hải Thanh – Khoa VHDL,...

+ Một số KHBH thiếu nội dung rút kinh nghiệm tổ chức thực hiện sau khi dạy như KHBH của GV Vũ Thị Hoa – Khoa Cơ bản, GV Bùi Thị Thu Hà – Khoa Luật-Nội vụ,...

+ Không ghi ngày tháng giảng dạy như KHBH của GV Trần Thị Bích Hạnh – Khoa Cơ bản.

+ Không ghi tên lớp giảng dạy, một số tiết phân chia thời gian không đảm bảo đủ 90 phút cho 2 tiết học như KHBH của GV Đỗ Lan Anh – K.MNPT.

+ Không phân chia thời gian trong các tiết dạy; hoạt động hướng dẫn tự học sơ sài; Mục V. Tiến trình bài học thừa nội dung nguồn tài liệu tham khảo, thiếu mục nội dung rút kinh nghiệm tổ chức thực hiện theo quy định đối với KHBH học phần Giống và kỹ thuật truyền giống lớp CD CNTY K60 của GV Hồ Anh Thắng – Khoa Nông Lâm.

*** Sổ tay giảng viên:**

- Ưu điểm:

+ 100% giảng viên có đủ STGV theo quy định.

+ Nhiều STGV có nội dung đảm bảo theo quy định như STGV của GV Quách Thị Sơn, GV Hoàng Thị Nhất – Khoa KTCN; GV Vũ Thị Hoa, GV Nguyễn Thị Kim Oanh, GV Trần Thị Bích Hạnh – Khoa Cơ bản; GV Trịnh Thị Phương Thảo – Khoa Luật-Nội vụ; GV Nguyễn Thị Thuý Hà – K.MNPT.

- Nhược điểm:

+ Mục 5 Tổ chức lớp học: Không cập nhật thông tin bộ máy quản lý lớp như STGV của GV Phùng Thị Thuý – Khoa VHDL, GV Hồ Anh Thắng – Khoa Nông Lâm.

+ Mục 6 Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể không đúng mẫu theo Quy chế chuyên môn ban hành kèm theo Quyết định số 890/QĐ-CĐSL ngày 30/11/2020 (thiếu cột số tiết, thiết bị đồ dùng dạy học, chuẩn bị của GV) như STGV của GV Bùi Thị Thu Hà – Khoa Luật-Nội vụ.

+ Mục 6 Lịch trình dạy học cụ thể thiếu cột số tiết (03 STGV lớp CDMN K58A, K58B, K58C) như STGV của GV Đỗ Lan Anh – K.MNPT.

+ STGV học phần Phương pháp thí nghiệm, lớp TC CNTY K59 Quỳnh Nhai có số tiết dạy ở một số chương không khớp với CTĐT, tuy tổng số tiết không thay đổi so với CTĐT như STGV của GV Hồ Anh Thắng – Khoa Nông Lâm.

*** Sổ chủ nhiệm, Sổ CVHT**

- **Ưu điểm:** 100% sổ CN thực hiện đúng mẫu, nội dung đảm bảo theo quy định như Sổ CN Nguyễn Thị Thuý Hà – K.MNPT.

- **Nhược điểm:**

+ Nhật trình gặp gỡ HSSV chưa cập nhật đủ thời gian theo biên bản họp lớp (Nhật trình chỉ có ngày 14/8; 11/9, biên bản họp lớp vào các ngày 20/8; 30/8; 8/9; 28/9) như Sổ CN của GV Quách Thị Sơn – Khoa KTCN,...

+ Báo cáo tình hình hoạt động của GVCN: Thiếu báo cáo tháng 9, tháng 10/2023 như Sổ CN của GV Đỗ Lan Anh – K.MNPT.

+ Thời gian duyệt kế hoạch không phù hợp: Ký duyệt ngày 15/8/2023, Cơ sở lí luận lại căn cứ Quyết định số 513/QĐ-CĐSL ngày 16/8/2023; Kế hoạch số 237/KH-CĐSL ngày 16/8/2023 như Sổ CN của GV Phùng Thị Thuý – Khoa VHDL.

+ Sổ đăng ký và theo dõi tiến độ học tập: Kế hoạch học tập thiếu thời gian, chữ ký của GVCN, sinh viên như Sổ CN của GV Bùi Thị Hải Thanh – Khoa VHDL,...

* **Sổ dự giờ sinh hoạt chuyên môn.**

- **Ưu điểm:** 100% các giảng viên đều có sổ dự giờ sinh hoạt chuyên môn. Đa số các sổ dự giờ sinh hoạt chuyên môn đảm bảo đầy đủ, rõ ràng nội dung các tiết dự giờ cũng như nhận xét, rút kinh nghiệm, đầy đủ nội dung các buổi sinh hoạt chuyên môn.

- **Nhược điểm:** Một số ít Sổ dự giờ sinh hoạt chuyên môn có nội dung một số buổi sinh hoạt chuyên môn còn sơ sài.

2. Về giờ giảng:

- **Ưu điểm:**

+ Các giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát đều có sự đầu tư, chuẩn bị tương đối tốt, chu đáo cho giờ dạy như về giáo án, đồ dùng và phương tiện dạy học.

+ Phần lớn các giảng viên đều có phong thái đĩnh đạc, tự tin, làm chủ kiến thức và đã sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học hiện đại trong giờ dạy. Quá trình dạy đã phát huy được tính tích cực, chủ động lĩnh hội kiến thức của học sinh sinh viên.

+ Hầu hết các giờ giảng đều thực hiện đầy đủ các bước lên lớp và đạt được mục tiêu đề ra.

- **Nhược điểm:**

+ Một số giờ giảng GV làm việc nhiều, chưa khuyến khích HSSV tham gia vào bài giảng như giờ giảng của GV Nguyễn Văn Thành – T.TTTV,...

+ Trình bày bảng chưa khoa học, phân chia thời gian cho các hoạt động trong một tiết học chưa hợp lý như giờ dạy của GV Đỗ Lan Anh - K.MNPT, GV Phùng Thị Thuý – Khoa VHDL, GV Trần Thị Bích Hạnh – Khoa Cơ bản, GV Lê Trọng Quý – Phòng CTHSSV,...

+ Chưa bám sát và sử dụng câu hỏi trong giáo án trong quá trình thực hiện bài giảng như giờ giảng của GV Nguyễn Thị Thuý Hà – K.MNPT.

+ Hoạt động nhóm đối với một số giờ giảng chưa mang lại hiệu quả cao như giờ giảng của GV Quách Thị Sơn – Khoa KTCN, GV Trịnh Thị Phương Thảo – Khoa Luật-Nội vụ,...

+ Thời gian, cách thức tổ chức trò chơi chưa hợp lý nên chưa mang lại hiệu quả như mong muốn như giờ dạy của GV Nguyễn Thu Trang – Khoa Luật-Nội vụ,...

+ Bao quát lớp chưa tốt, việc phát vấn HSSV còn tập trung một số em như giờ dạy của GV Hoàng Thị Nhất – Khoa KTCN, GV Nguyễn Thị Kim Oanh – Khoa Cơ bản,...

+ Một số ít giờ giảng thời gian hướng dẫn HSSV tự học, tự nghiên cứu còn quá ít, nội dung hướng dẫn tự học còn sơ sài; cách đặt câu hỏi chưa xúc tích, dễ hiểu như giờ dạy của GV Bùi Thị Hải Thanh – Khoa VHDL,...

+ Chưa nhấn mạnh nội dung trọng tâm của bài, thiếu ví dụ minh họa, thiếu tính liên hệ thực tế như giờ dạy của GV Trịnh Thị Phương Thảo – Khoa Luật-Nội vụ, GV Vũ Thị Hoa – Khoa Cơ bản, GV Lê Trọng Quý – Phòng CTHSSV,...

+ Chất lượng slide không đảm bảo cả về cỡ chữ, màu chữ và nền slide đến nội dung kiến thức trong mỗi slide như giờ dạy của GV Hồ Anh Thắng – Khoa Nông Lâm, GV Bùi Thị Thu Hà - Khoa Luật-Nội vụ,...

3. Kết quả cụ thể về xếp loại Hồ sơ chuyên môn, giờ dạy, xếp loại chung:

Kết quả cụ thể về xếp loại Hồ sơ chuyên môn, giờ dạy và xếp loại chung của giảng viên được thể hiện trong Bảng tổng hợp dưới đây:

TT	Họ và tên	Đơn vị	Giờ dạy		HSCM		TBC Mức chất lượng (%)	Xếp loại chung	Ghi chú
			Điểm TB	Mức chất lượng (%)	Điểm TB/ Điểm đánh giá	Mức chất lượng (%)			
1	Vũ Thị Hoa	K. Cơ bản	16,5	82,5	16/20	80	81,3	Khá	
2	Quách Thị Sơn	K.KTCN	16,2	81	19/25	76	78,5	Khá	
3	Bùi Thị Thu Hà	K. Luật- Nội vụ	16,1	80,5	15/20	75	77,8	Khá	
4	Trịnh Thị Phương Thảo	K. Luật- Nội vụ	15,7	78,5	16/20	80	79,3	Khá	

5	Đỗ Lan Anh	K. MN-PT	16,5	82,5	19/25	76	79,3	Khá	
6	Nguyễn Thu Trang	K. Luật- Nội vụ	15,8	79	15/20	75	77,0	Khá	
7	Nguyễn Thị Kim Oanh	K. Cơ bản	15,8	79	15/20	75	77,0	Khá	
8	Hoàng Thị Nhất	K.KTCN	16,9	84,5	22/25	88	86,3	Tốt	
9	Phùng Thị Thuý	K. VHDL	15,9	79,5	21/25	84	81,8	Khá	
10	Trần Thị Bích Hạnh	K. Cơ bản	16,8	84	16/20	80	82,0	Khá	
11	Bùi Thị Hải Thanh	K. VHDL	15	75	19/25	76	75,5	Khá	
12	Nguyễn Văn Thành	K. VHDL	15,8	79	16/20	80	79,5	Khá	
13	Hồ Anh Thắng	K. Nông Lâm	15,6	78	15/20	75	76,5	Khá	
14	Nguyễn Thị Thuý Hà	K.GDMN- GDPT	16,5	82,5	19/25	76	79,3	Khá	
15	Lê Trọng Quý	P.CTHSSV	13,6	68	14/20	70	69,0	TB	

Tổng hợp:

- Giờ dạy: Khá: 01/15 (93,3%); Trung bình: 01/15 (6,7%).

- Hồ sơ: Tốt: 01/15 (6,7%); Khá: 13/15 (86,6%); Trung bình: 01/15 (6,7%).

- **Xếp loại chung: Tốt 01/15 (6,7%); Khá 13/15 (86,6%); Trung bình: 01/15 (6,7%).**

- Qua kết quả xếp loại giờ dạy cũng như xếp loại HSCM của các giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát chuyên môn nhà giáo đợt 1 năm học 2023 – 2024 cho thấy chất lượng giờ dạy có chiều hướng giảm, không có giờ dạy đạt loại giỏi (Đợt 2 năm học 2022-2023 có 01/09 giờ dạy đạt loại giỏi). Chất lượng hồ sơ chuyên môn có thay đổi theo chiều hướng tốt hơn, có 01/15 hồ sơ xếp loại tốt chiếm 6,7% (Đợt 2 năm học 2022-2023 không có hồ sơ xếp loại tốt), xếp loại chung có 01/15 giảng viên xếp loại loại tốt, chiếm 6,7%.

4. Công tác phối hợp của các đơn vị trong quá trình kiểm tra, giám sát

- Nhiều giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát và các đơn vị có giảng viên được kiểm tra, giám sát đều có sự chuẩn bị và đầu tư tương đối tốt về HSCM, về giờ dạy.

- Đối với các khoa: Quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn của nhà giáo, Tổ Kiểm tra, giám sát đã nhận được sự phối kết hợp chặt chẽ của các đơn vị có giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát. Giảng viên tại các khoa cũng như Trưởng Bộ môn, lãnh đạo các đơn vị đều đã chủ động, tích cực trong việc tham gia dự giờ các giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát.

- Các cộng tác viên kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn nhà giáo luôn chủ động và phối hợp tốt, chặt chẽ với Tổ Kiểm tra, giám sát, có những

nhận xét, đánh giá khách quan, công tâm và bám sát theo giáo án, tiến trình thực hiện giờ dạy của các giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát.

IV. Một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

1. Về Hồ sơ chuyên môn

- Qua thực tế kiểm tra, giám sát cho thấy việc hoàn thiện Hồ sơ chuyên môn đối với nhiều giảng viên chưa thực sự đảm bảo, như về Kế hoạch cá nhân, Kế hoạch bài học, Sổ chủ nhiệm, đặc biệt là Sổ tay giảng viên. Vẫn còn tình trạng nội dung mục 6 trong Sổ tay giảng viên thực hiện không đúng mẫu (thiếu cột số tiết, thiết bị đồ dùng dạy học, chuẩn bị của GV), số tiết dạy ở một số chương không khớp với CTĐT tuy tổng số tiết không thay đổi so với CTĐT.

- Bộ môn tổ chức kiểm tra HSCM đối với giảng viên trong bộ môn, ít nhất mỗi kỳ một lần và lưu trữ hồ sơ kiểm tra tại khoa (Biên bản kiểm tra). Biên bản phải chỉ rõ những mặt đã làm được, chưa làm được và hướng khắc phục với từng HSCM, đặc biệt quan tâm tới các hạn chế, tồn tại như đã nêu trên về Sổ tay giảng viên. Trưởng Bộ môn trước phải có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu giảng viên điều chỉnh nếu các nội dung trong Sổ tay giảng viên không đảm bảo theo quy định.

- Hàng tháng Bộ môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn, nên trọng tâm vào nội dung xây dựng Sổ tay giảng viên, đặc biệt chú trọng đến việc thực hiện đúng các biểu mẫu, đủ nội dung theo quy định và phải bám sát theo CTĐT để đảm bảo số tiết theo đúng các chương trong CTĐT.

- Khoa tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ của giảng viên tại các bộ môn và có minh chứng đầy đủ cho quá trình thực hiện (kế hoạch và biên bản).

2. Về Giờ dạy

- Qua thực tế dự giờ cho thấy việc tổ chức hoạt động thảo luận nhóm đối với một số giờ dạy vẫn còn nhiều bất cập. Nhiều tiết học, việc tổ chức hoạt động thảo luận nhóm không mang lại hiệu quả cao do giảng viên không nêu rõ yêu cầu, thời gian thảo luận, cách thức trình bày kết quả trước khi hoạt động thảo luận nhóm diễn ra; việc tổ chức nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm đôi khi mang tính hình thức; việc nhận xét kết quả hoạt động thảo luận nhóm của giảng viên còn chung chung, không đánh giá được tổng thể hoạt động của học sinh sinh viên (thời gian, hình thức và nội dung sản phẩm, cách thức trình bày sản phẩm của đại diện nhóm,...).

- Bộ môn thực hiện dự giờ kiểm chứng đối với các giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát trong kỳ II thông qua các tiết dự giờ đổi mới, cải tiến PPGD; tiết thao giảng; thi giảng viên giỏi hoặc tiết dự giờ kiểm chứng, trong đó đặc biệt chú trọng, nâng cao hiệu quả hoạt động thảo luận nhóm trong các giờ giảng. Có

biên bản rút kinh nghiệm giờ dạy, phiếu đánh giá giờ dạy, trong biên bản phải chỉ rõ mức độ khắc phục được đối với tồn tại nêu trên.

- Khoa cần tăng cường, sát sao hơn nữa đến việc tổ chức thi giảng viên dạy giỏi, tiết giảng mẫu, tiết dự giờ đổi mới, cải tiến PPGD... của các bộ môn, trong đó đặc biệt chú trọng vào việc khắc phục hạn chế nêu trên.

V. Kiểm chứng việc thực hiện điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất (nếu cần thiết).

1. Về Hồ sơ chuyên môn.

- Các đơn vị có giảng viên là đối tượng kiểm tra nhà giáo đợt 2 năm học 2022-2023 đã thực hiện kiểm chứng HSCM và có hồ sơ chuyển về bộ phận Kiểm tra, giám sát (phòng KTCL) đúng thời gian. Kết quả kiểm chứng cho thấy phần lớn HSCM của các giảng viên đều đã khắc phục được hạn chế như đã nêu trong Thông báo số 149/TB-CĐSL ngày 22/6/2023.

- Khoa, Bộ môn chuyển hồ sơ kiểm chứng việc khắc phục các tồn tại về HSCM (Kế hoạch, biên bản) của các giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát của học kỳ I năm học 2023- 2024 về bộ phận Kiểm tra, giám sát (P.KTCL) trước 30/5/2024.

- P.KTCL sẽ thực hiện kiểm chứng ngẫu nhiên 1/3 HSCM của các giảng viên là đối tượng kiểm tra, giám sát trong học kỳ I năm học 2023-2024, thực hiện kiểm chứng vào học kỳ II năm học 2023 – 2024.

2. Về giờ dạy

- Các đơn vị có giảng viên là đối tượng kiểm tra nhà giáo đợt 2 năm học 2022-2023 đã thực hiện dự giờ kiểm chứng và có hồ sơ chuyển về bộ phận Kiểm tra, giám sát của phòng KTCL đúng thời hạn. Kết quả kiểm chứng cho thấy hầu hết các giờ dạy đều đã khắc phục được hạn chế như đã nêu trong Thông báo số 149/TB-CĐSL ngày 22/6/2023.

- Bộ môn chuyển Hồ sơ kiểm chứng các tiết dạy của các giảng viên là đối tượng kiểm tra trong học kỳ I năm học 2023-2024 về bộ phận kiểm tra, giám sát (P.KTCL) trước 30/5/2024 (biên bản rút kinh nghiệm giờ dạy, phiếu đánh giá giờ dạy). Thực hiện kiểm chứng thông qua các tiết dạy trong học kỳ II năm học 2023-2024.

VI. Kiến nghị:

- Các khoa thông báo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn của nhà giáo đợt 1 năm học 2023 – 2024 tới toàn thể CB, GV trong đơn vị.

- Đề nghị các giảng viên cần điều chỉnh, khắc phục các hạn chế như đã nêu để thực sự đem lại hiệu quả và chất lượng đối với 1 tiết dạy trên lớp.

- Giảng viên cần cập nhật CTĐT, nghiên cứu Quy chế chuyên môn để thực hiện đúng và đủ các hồ sơ theo quy định.

- Đề nghị trưởng các đơn vị, bộ môn phổ biến Quy chế chuyên môn, các văn bản đào tạo mới, các quy định, quy chế mới của nhà trường và yêu cầu GV nghiêm túc tìm hiểu, áp dụng đúng vào thực tế giảng dạy. Bên cạnh đó, các đơn vị cần thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nề nếp dạy học, kế hoạch chuyên môn của các giảng viên trong từng tuần, từng tháng để có thể cung cấp kịp thời những thông tin về thực hiện Quy chế chuyên môn, các quy chế của nhà trường khi cần thiết.

Trên đây là Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn của nhà giáo đợt 1 năm học 2023– 2024, đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên./.

Nơi nhận:

- Khoa, phòng, trung tâm;
- Lưu: VT, KTCL.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long